

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 7 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thành Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hứa Trọng Toàn.

Ông Lý Thanh Chiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Phi Y, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số nhà xxx, ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh Trần Hoàng Gi, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

(Chị Y có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; anh Gi vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 3 năm 2022, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị Phi Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Y và anh Gi tổ chức lễ cưới năm 2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng ngày 19-7-2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, anh Gi không quan tâm, chăm lo vợ con. Chị Y nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, không hàn gắn được nữa nên yêu cầu ly hôn với anh Gi.

Về con chung: Thời gian chung sống Chị Y và anh Gi có con chung tên Trần Võ Hoàng H, sinh ngày 06-12-2016. Cháu H đang sống cùng với Chị Y. Sau khi ly hôn, Chị Y yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi và không yêu cầu anh Gi phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn anh Trần Hoàng Gi:

Anh Gi đã được cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Gi không có văn bản tường trình ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

- Tại Công văn số: 250/VHTT ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Mỹ Tú, mâu thuẫn gia đình giữa Chị Y, anh Gi như sau:

Từ khi kết hôn đến nay Chị Y, anh Gi sống bên gia đình Chị Y, không sinh sống tại địa phương, không thường xuyên về địa phương nên không biết được nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa anh, chị.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt các phiên họp, phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Y, cụ thể: Chị Y được ly hôn với anh Gi; Giao con chung tên Trần Võ Hoàng H (giới tính: Nam), sinh ngày 06-12-2016 cho Chị Y

trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi; Chị Y không yêu cầu anh Gi phải cấp dưỡng nên không xem xét, giải quyết; tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Võ Thị Phi Y khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn anh Trần Hoàng Gi. Anh Gi cư trú tại Ấp B, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, Chị Y có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Gi vắng mặt. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm a và điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy, Chị Y và anh Gi đã được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai, Chị Y có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Gi vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm a và điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Y, anh Gi tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 70, ngày 19-7-2016. Tại thời điểm kết hôn Chị Y, anh Gi đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị được pháp luật công nhận.

[4] Chị Y yêu cầu ly hôn với anh Gi, Hội đồng xét xử xét thấy, Chị Y và anh Gi là vợ chồng thì phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình theo quy định tại Khoản 1 Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Thế nhưng, khi phát sinh mâu thuẫn anh, chị không hàn gắn tình cảm, không còn chung sống với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập anh, chị tham gia phiên hòa giải nhưng anh Gi vắng mặt nên không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Từ đó cho thấy tình

trạng hôn nhân giữa Chị Y, anh Gi đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, Chị Y yêu cầu ly hôn với anh Gi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[5] Về con chung: Theo Trích lục khai sinh ngày 18-01-2011 của Ủy ban nhân dân xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thì Chị Y, anh Gi có con chung tên Trần Võ Hoàng H (giới tính: Nam), sinh ngày 06-12-2016. Sau khi ly hôn, Chị Y yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi, anh Gi không có ý kiến phản đối. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu H đang sống cùng với Chị Y, cuộc sống đã ổn định, để đảm bảo cuộc sống của cháu H không bị xáo trộn, cũng như đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu H, giao cháu H cho Chị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi là phù hợp. Như vậy, yêu cầu về con chung của Chị Y là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Tại Khoản 1 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi”* và Khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở”*. Theo quy định này, anh Gi có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con chung được sống với Chị Y. Đồng thời, anh Gi có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[7] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Hội đồng xét xử xét thấy, tại Khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”*. Theo quy định này, anh Gi là người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, Chị Y không yêu cầu anh Gi phải cấp dưỡng cho con nên không xem xét, giải quyết.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí sơ thẩm: Chị Y là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền 300.000 đồng.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm a và điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 19, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Phi Y được ly hôn với anh Trần Hoàng Gi.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Võ Hoàng H (giới tính: Nam), sinh ngày 06-12-2016 cho chị Võ Thị Phi Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi. Anh Trần Hoàng Gi có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Võ Thị Phi Y không yêu cầu anh Trần Hoàng Gi phải cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Võ Thị Phi Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí, án phí số: 0003615 ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Chị Võ Thị Phi Y đã nộp xong án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thành Đạt